

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2022/HS-ST
Ngày: 23-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn

Ông Võ Chí Tình

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Trương Thanh S, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1997, tại tỉnh Trà V. Nơi cư trú: Số 51/8A, Ngõ Q, khóm 5, phường 4, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trương Thanh T, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969; tiền án: 02 lần, năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà V, tỉnh Trà V tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; năm 2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà V, tỉnh Trà V tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đang chấp hành án; tiền sự: 01 lần, năm 2012, bị đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng, đã chấp hành xong; bị cáo có nhân thân xấu; (bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Bến G - Bộ Công an được trích xuất về Nhà tạm giữ Công an thành phố Trà V để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử từ ngày 05/6/2022 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Nguyễn Phú N, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1999, tại tỉnh Trà V. Nơi cư trú: ấp Vĩnh T, xã Hòa T, huyện Châu T, tỉnh Trà V; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Phú T, (đã chết) và bà Đặng Thị N, sinh năm 1965; anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1985 và nhỏ nhất là bị cáo; con có 01 người

sinh năm 2015; tiền án: 01 lần, năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Trà V, tỉnh Trà V tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo có nhân thân xấu; (bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu, T, tỉnh Trà V khởi tố và bắt tạm giam về tội “Cướp tài sản” từ ngày 23/8/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Bùi Anh T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1997, tại tỉnh Trà V. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1968 và bà Mai Thu H, sinh năm 1969; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006; bị cáo có vợ tên Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2003 (Không đăng ký kết hôn); con có 01 người sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: 02 lần, ngày 12/8/2020 bị Công an xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000 đồng; ngày 18/8/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà V, tỉnh Trà V ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, hiện đang chấp hành; bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp R, xã Thuận H, huyện Cầu N, tỉnh Trà V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 28/4/2021, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Trương Thanh S rủ bị cáo Nguyễn Phú Ng và Bùi Anh T cùng đi tìm tài sản để lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài thì Ng và T đồng ý. Sau đó, bị cáo Tuấn điều khiển xe máy hiệu Mio mang theo một cây kiếm cộng lực dài khoảng 30cm, có tay cầm bọc nhựa màu đen, phần sắt sơn màu xanh, còn bị cáo Ngh điều khiển xe máy hiệu Exciter chở bị cáo S ngồi phía sau, chạy qua các tuyến đường nội ô thành phố Trà V để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến tuyến đường Nguyễn Thị Minh K thuộc khóm 6, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà V thì bị cáo Sang phát hiện thấy cửa hàng điện thoại, laptop Cát T của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp R, xã Thuận H, huyện Cầu N, tỉnh Trà V đang đóng cửa và có khóa bên ngoài, nghĩ bên trong có tài sản nên cả ba bị cáo tiếp cận, tìm cách đột nhập vào bên trong. Do lúc này trên đường có nhiều xe qua lại nên các bị cáo dẫn xe lại Công viên bên cạnh, cách cửa hàng của anh T khoảng 15 mét. Tại đây, bị cáo S phân công bị cáo T canh giới, còn bị cáo S và Ng đi bộ đến cửa hàng điện thoại, laptop của anh T,

tiếp đó bị cáo S dùng kiềm cộng lực đã mang theo cắt hai khoen khóa bên dưới của cánh cửa, rồi dùng tay đẩy hai cánh cửa qua hai bên tạo một khoảng trống, để bị cáo S đột nhập vào bên trong. Sau khi vào được bên trong, bị cáo S lấy trộm 01 máy laptop hiệu TOSHIBA, 01 máy laptop hiệu ACER, 01 máy laptop hiệu SONY, 01 máy laptop hiệu DELL và 02 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 đã qua sử dụng, rồi chuyển ra bên ngoài cho Ng cầm giữ. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo Ng đem về nhà cất giấu, đến sáng cùng ngày bị cáo Ng lấy điện thoại, laptop vừa trộm được để kiểm tra thì thấy tất cả không còn hoạt động được nên bị cáo Ng đem bán hết số tài sản trên cho một người mua ve chai dạo được số tiền 300.000 đồng, có được tiền ba bị cáo cùng nhau tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản số 17/BKLĐGTS ngày 07/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: 01 máy laptop hiệu TOSHIBA, 01 máy laptop hiệu ACER, 01 máy laptop hiệu SONY, 01 máy laptop hiệu DELL và 02 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 đã qua sử dụng, có tổng giá trị thành tiền tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.600.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 máy laptop hiệu TOSHIBA, 01 máy laptop hiệu ACER, 01 máy laptop hiệu SONY, 01 máy laptop hiệu DELL và 02 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 đã qua sử dụng do bị cáo đã bán cho một người mua ve chai dạo không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không thể thu hồi trả lại bị hại được; 01 cây kiềm cộng lực cắt sắt có chiều dài khoảng 30cm, có tay cầm bọc nhựa màu đen, phần sắt sơn màu xanh là công cụ mà bị cáo Sang dùng để cắt khóa cửa hàng của anh T, trong lúc trên đường về nhà bị cáo S đã vứt bỏ cây kiềm nói trên nhưng không nhớ rõ ở đoạn đường nào nên không thu giữ được. Đối với hai chiếc xe mô tô hiệu Mio và Exciter là phương tiện mà các bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản là của bị cáo Ng. Do sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo cần tiền tiêu xài nên đã bán 02 chiếc xe này cho một người đàn ông quen biết qua mạng, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không thể thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T thống nhất với kết luận định giá tài sản và yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.600.000 đồng. Ngày 18/8/2022, anh T có nhận số tiền 1.200.000 đồng từ ông Bùi Văn T, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp Vĩnh Y, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh Trà V là cha ruột của bị cáo Bùi Anh T bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Ông T không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền đã bồi thường cho ông.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKS-HS ngày 07/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Trương Thanh S, Nguyễn Phú Ng và Bùi Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Trương Thanh S, Nguyễn Phú Ng và Bùi Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản

1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh S từ 02 năm đến 03 năm tù và buộc bị cáo chấp hành 02 năm 06 tháng tù của Bản án số: 34/2021/HS-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Ng từ 02 năm đến 03 năm tù và buộc bị cáo chấp hành 08 năm tù của Bản án số: 42/2022/HS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Trà V. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Anh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận: Để có tiền tiêu xài vào khoảng 04 giờ ngày 28/4/2021, bị cáo Trương Thanh S rủ bị cáo Nguyễn Phú Ng và bị cáo Bùi Anh T đi tìm tài sản để lấy trộm. Sau đó, các bị cáo đi đến cửa hàng điện thoại, laptop của anh Nguyễn Văn T tại khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại đây bị cáo S dùng kiếm cộng lực cắt hai khoen khóa cửa đột nhập vào bên trong lấy trộm 04 máy laptop và 02 điện thoại di động đã qua sử dụng trị giá 3.600.000 đồng, sau khi trộm được tài sản bị cáo Nghĩa đem bán được 300.000 đồng lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Thanh S, bị cáo Nguyễn Phú Ng và bị cáo Bùi Anh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Trương Thanh S, bị cáo Nguyễn Phú Ng, bị cáo Bùi Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị cáo S là người khởi sự phạm tội các bị cáo cùng thực hiện tội phạm. Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, bị cáo Trương Thanh S đã bốn lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Phú Ng đã một lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” khi chấp hành xong hình phạt tù ra ngoài xã hội các bị cáo không chịu cố gắng lao động để tạo lập cho bản thân một nghề nghiệp chân chính. Ngược lại, do đua đòi lối sống vật chất và lười lao động, các bị cáo tiếp tục thực hiện tội phạm. Hành động của các bị cáo không chỉ là tái phạm mà còn thể hiện các bị cáo rất xem thường pháp luật, khước từ sự giáo dục, giúp đỡ của Nhà nước, tạo ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Bùi Anh T bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 18/8/2020, đến ngày 23/3/2021 bị cáo bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện rồi cùng các bị cáo S và Ng tiếp tục thực hiện tội phạm. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo Bùi Anh T đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại anh Nguyễn Văn T 1.200.000 đồng, bị cáo có ông nội là ông Bùi Văn N là liệt sĩ. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T không có yêu cầu và xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo Trương Thanh S và bị cáo Nguyễn Phú Ng, Bùi Anh T bồi thường và xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Thanh S, bị cáo Nguyễn Phú Ng, bị cáo Bùi Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh S 03 (ba) năm tù, buộc bị cáo chấp hành 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 34/2021/HS-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Ng 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, buộc bị cáo chấp hành 08 (tám) năm tù của Bản án số: 42/2022/HS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2021.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Điều 329 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Anh T 01 (một) năm 06 tháng tù, bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 23/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà V;
- VKSND tỉnh Trà V;
- VKSND TP.Trà V;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà V;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà V;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ

